

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

Án số: 52/2024/DS-ST
Ngày: 05/7/2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Cúc**
Ông **Nguyễn Chung**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Anh**

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Bảo Nhật Linh** - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 355/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐHPT-ST ngày 13/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng E

Địa chỉ: Lê Thánh Tôn, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đỗ Hà P**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Duy H** - Sinh năm 2000, chức vụ: Nhân viên phòng xử lý nợ. Địa chỉ: K, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (*Theo Giấy ủy quyền số 247/2024/EIB/UQ-TGD ngày 25/4/2024 của Phó Tổng giám đốc Ngân hàng E*). Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T - Sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn 2, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Trần Duy H trình bày:*

Ngân hàng Evà bà Phạm Thị Ngọc T xác lập hợp đồng tín dụng từng lần số LAV-220111960/2001 ngày 30/12/2022 kèm phụ lục và khế ước nhận nợ số 2001-LDS-230000006 ngày 04/01/2023 và giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/01/2023 như sau:

1. Hợp đồng tín dụng từng lần số LAV-220111960/2001 ngày 30/12/2022 kèm phụ lục và khế ước nhận nợ số 2001-LDS-230000006 ngày 04/01/2023: số tiền vay: 600.000.000 đồng; ngày giải ngân: 04/01/2023, ngày đến hạn: ngày 04/01/2043; thời

hạn vay là 240 tháng, mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình; lãi suất cho vay: 15,99%/năm, được cố định trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần và bằng lãi suất cơ sở do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,7%/năm, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay; lãi suất chậm trả: 10%/năm.

2. Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/01/2023 với hạn mức: 30.000.000 đồng, tên chủ thẻ: PHAM THI NGOC TRAM, số thẻ: 404152xxxxxx4360, số tài khoản thẻ: 200110501000382; thời hạn hiệu lực thẻ 36 tháng; lãi suất 30,60%/năm áp dụng từ ngày 28/3/2022; từ ngày 01/6/2023 áp dụng lãi suất 33%. Ngoài ra bà T phải chịu các khoản phí theo biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, Ngân hàng E và bà Phạm Thị Ngọc T xác lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 126/2022/EIBTP.HCM-BT/TCTS ngày 30/12/2022 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 127/2022/EIBTP.HCM-BT/TCTS ngày 30/12/2022. Tài sản bảo đảm thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 87 tờ bản đồ 44 diện tích 1029 m² tọa lạc tại ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Bình Phước được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 070919 số vào sổ cấp GCN: CS06357 ngày 08/7/2021 cho ông Lê Quốc H và bà Vũ Thị H, cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho bà Phạm Thị Ngọc T ngày 12/12/2022.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 95 tờ bản đồ 44 diện tích 1015,6 m² tọa lạc tại ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Bình Phước được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 070927 số vào sổ cấp GCN: CS06364 ngày 08/7/2021 cho ông Lê Quốc H và bà Vũ Thị H, cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho bà Phạm Thị Ngọc T ngày 09/12/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bà Phạm Thị Ngọc T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Bà Phạm Thị Ngọc T phải thanh toán cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 05/7/2024 bao gồm:

Số tiền của hợp đồng tín dụng là 706.261.835 đồng trong đó tiền gốc: 591.913.819 đồng, tiền lãi trong hạn: 103.866.363 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.480.383 đồng, nợ lãi chậm trả: 6.001.270 đồng.

Số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 33.758.308 đồng trong đó tiền gốc: 26.640.667 đồng, tiền lãi: 6.917.641 đồng, tiền phí: 200.000 đồng.

Tổng số tiền phải thanh toán là 740.020.143 đồng.

Ngoài ra, bà T còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 06/7/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng từng lần số LAV-220111960/2001 ngày 30/12/2022 kèm phụ lục, khế ước nhận nợ số 2001-LDS-2300000006 ngày 04/01/2023 và giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/01/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

2. Trường hợp không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp đảm bảo thi hành án. Trường hợp giá trị tài sản phát mãi không đủ để trả nợ cho ngân hàng thì bà Phạm Thị Ngọc T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi trả hết cho ngân hàng.

** Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải lập ngày 11/12/2023, bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T trình bày:*

Bà có ký hợp đồng tín dụng từng lần số LAV-220111960/2001 ngày 30/12/2022 kèm phụ lục và khế ước nhận nợ số 2001-LDS-230000006 ngày 04/01/2023 với Ngân hàng E để vay số tiền 600.000.000 đồng. Thời hạn vay là 240 tháng từ ngày 04/01/2023 đến ngày 04/01/2043, mục đích mua sắm vật dụng gia đình, lãi suất cho vay: 15,99%/năm. Tài sản đảm bảo thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 87 tờ bản đồ 44 diện tích 1029 m² và thửa đất số 95 tờ bản đồ 44 diện tích 1015,6 m² tọa lạc tại ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Bình Phước cập nhật chỉnh lý biến động chủ sở hữu là Phạm Thị Ngọc T. Bà có ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 126/2022/EIBTP.HCM-BT/TCTS ngày 30/12/2022 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 127/2022/EIBTP.HCM-BT/TCTS ngày 30/12/2022 tài sản thế chấp nói trên để đảm bảo khoản vay. Quá trình vay vốn chỉ trả được 3 kỳ gốc và lãi còn nợ số tiền theo bản kê lãi ngân hàng đã trình bày.

Ngoài ra, bà còn ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại Ngân hàng Evào ngày 04/01/2023 để cấp hạn mức thẻ số tiền là 30.000.000 đồng. Bà đã sử dụng số tiền được cấp theo hạn mức tại thẻ tín dụng nhưng chưa thanh toán hết cho ngân hàng.

Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận. Nay bà thừa nhận còn nợ ngân hàng số tiền tính đến ngày 08/12/2023 là 649.537.373 đồng trong đó tiền gốc: 591.913.819 đồng, tiền lãi trong hạn: 55.078.621 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.070.347 đồng, tiền lãi phạt chậm trả: 1.474.586 đồng và số tiền nợ thẻ tín dụng: 28.235.667 đồng. Tổng số tiền còn nợ là 677.773.040 đồng. Bà đồng ý thanh toán trong thời hạn 60 ngày nếu quá thời hạn trên ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp và đồng ý trả khoản lãi phát sinh.

** Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho Ngân hàng Esố tiền tính đến ngày 05/7/2024 là 706.261.835 đồng trong đó nợ gốc: 591.913.819 đồng, nợ lãi trong hạn: 103.866.363 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.480.383 đồng, nợ lãi chậm trả: 6.001.270 đồng theo hợp đồng tín dụng từng lần số LAV-220111960/2001 ngày 30/12/2022 kèm phụ lục và khế ước nhận nợ số 2001-LDS-230000006 ngày 04/01/2023 và số tiền còn nợ thẻ tín dụng quốc tế tính đến ngày 05/7/2024 là 33.758.308 đồng trong đó nợ gốc: 26.640.667 đồng, nợ lãi: 6.917.641 đồng, phí thường niên: 200.000 đồng theo giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/01/2023. Ngoài ra, bà T còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 06/7/2024 theo các hợp đồng nói trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng là có cơ sở theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất của bà T khi không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ thì đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 318, 323 Bộ Luật dân sự năm 2015. Trường hợp giá trị tài sản phát mãi không đủ để trả nợ cho ngân hàng thì bà Phạm Thị Ngọc T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi trả hết cho ngân hàng. Trường hợp

bà T đã thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền nợ và tiền lãi phát sinh của số tiền gốc cho nguyên đơn thì ngân hàng phải trả lại cho bà Phạm Thị Ngọc T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 070927 số vào sổ cấp GCN: CS06364 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/7/2021 cho ông Lê Quốc H và bà Vũ Thị H, cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho bà Phạm Thị Ngọc T ngày 09/12/2022 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 070919 số vào sổ cấp GCN: CS06357 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/7/2021 cho ông Lê Quốc H và bà Vũ Thị H, cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho bà Phạm Thị Ngọc T ngày 12/12/2022 theo quy định tại Điều 322 Bộ Luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Ngọc T được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Thị Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng E khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng là 706.261.835 đồng và số tiền nợ thẻ tín dụng là 33.758.308 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về yêu cầu trả tiền gốc:

Căn cứ hợp đồng tín dụng từng lần số LAV-220111960/2001 ngày 30/12/2022 kèm phụ lục và khế ước nhận nợ số 2001-LDS-230000006 ngày 04/01/2023 và giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/01/2023 giữa Ngân hàng E và bà Phạm Thị Ngọc T.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận quá trình thực hiện hợp đồng thì bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 05/7/2024 bà T còn nợ số tiền gốc của hợp đồng tín dụng: 591.913.819 đồng và số tiền gốc của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: 26.640.667 đồng. Tổng số tiền gốc còn nợ: 618.554.486 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T đồng ý thanh toán số tiền còn nợ của ngân hàng trong thời hạn 60 ngày do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nếu quá thời hạn thì thống nhất xử lý tài sản thế chấp.

Xét: Việc ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định pháp luật nên công nhận hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế là hợp pháp. Bị đơn đã vi phạm

nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với bà T phải thanh toán số tiền tính đến ngày 05/7/2024 là 618.554.486 đồng bao gồm tiền gốc của hợp đồng tín dụng: 591.913.819 đồng và tiền gốc của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: 26.640.667 đồng là có cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng

[4.2] Về yêu cầu trả tiền lãi, phí:

Lãi suất vay, phí các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Bà T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi, phí theo cam kết nên Ngân hàng yêu cầu bà T phải trả tiền lãi tính đến ngày 05/7/2024 của hợp đồng tín dụng là 114.348.016 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn: 103.866.363 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.480.383 đồng, tiền lãi chậm trả: 6.001.270 đồng) và tiền lãi, phí của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 7.117.641 đồng (tiền lãi: 6.917.641 đồng, phí thường niên: 200.000 đồng) là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về yêu cầu tiếp tục trả lãi, phí quá hạn sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13 và khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016, yêu cầu của nguyên đơn áp dụng tính lãi, phí quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng sau ngày xét xử sơ thẩm là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4.4] Về tài sản bảo đảm thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay, bà Phạm Thị Ngọc T đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất 87, 95 tờ bản đồ 44 tọa lạc tại ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Bình Phước. Giữa Ngân hàng Evà và bà Phạm Thị Ngọc T có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 127/2022/EIBTP.HCM-BT/TCTS ngày 30/12/2022 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 126/2022/EIBTP.HCM-BT/TCTS ngày 30/12/2022.

Xét thấy: Việc ký kết hợp đồng thế chấp giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật về thế chấp, có đăng ký giao dịch bảo đảm nên công nhận hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

Do đó, trong trường hợp không thanh toán được hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng từng lần số LAV-220111960/2001 ngày 30/12/2022 kèm phụ lục, khế ước nhận nợ số 2001-LDS-230000006 ngày 04/01/2023 và giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/01/2023, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp nên chấp nhận theo quy định tại Điều 318, 322, 323 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bà Phạm Thị Ngọc T đã thực hiện nghĩa vụ trả hết số nợ và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng thì Ngân hàng E trả lại cho bà T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 070919 số vào sổ cấp GCN: CS06357 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/7/2021 cho ông Lê Quốc H và bà Vũ Thị H, cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho bà Phạm Thị Ngọc T ngày 12/12/2022 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 070927 số vào sổ cấp GCN: CS06364 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/7/2021 cho ông Lê Quốc H và bà Vũ Thị H, cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho bà Phạm Thị Ngọc T ngày 09/12/2022.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm nói trên của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng. Ngân hàng đã nộp và chi xong. Bà T phải chịu nên có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ngân hàng.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bà Phạm Thị Ngọc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm: 20.000.000 đồng + 4% (740.020.143 đồng – 400.000.000 đồng) = 33.600.805 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Esó tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, 147, 157, 227, 264, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 318, 322, 323, 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam.

1.1 Buộc bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T phải thanh toán cho Ngân hàng Esó tiền tính đến ngày 05/7/2024 là 706.261.835 đồng (*Bảy trăm lẻ sáu triệu hai trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng*). Trong đó tiền gốc: 591.913.819 đồng, tiền lãi trong hạn: 103.866.363 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.480.383 đồng, tiền lãi chậm trả: 6.001.270 đồng.

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng từng lần số LAV-220111960/2001 ngày 30/12/2022 kèm phụ lục và khế ước nhận nợ số 2001-LDS-230000006 ngày 04/01/2023, bà Phạm Thị Ngọc T còn phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận kể từ ngày 06/7/2024 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

1.2 Buộc bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T phải thanh toán cho Ngân hàng Esó tiền tính đến ngày 05/7/2024 là 33.758.308 đồng (*Ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn ba trăm lẻ tám đồng*). Trong đó tiền gốc: 26.640.667 đồng, tiền lãi: 6.917.641 đồng, phí thường niên: 200.000 đồng.

Căn cứ theo giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/01/2023, bà Phạm Thị Ngọc T còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 06/7/2024 cho đến khi trả hết số nợ cho ngân hàng.

1.3 Trường hợp bà Phạm Thị Ngọc T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng E có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Phước xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án gồm:

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 87 tờ bản đồ 44 diện tích 1029 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 070919 số vào sổ cấp GCN: CS06357 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/7/2021 cho ông Lê Quốc H và bà Vũ Thị H, cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho bà Phạm Thị Ngọc T ngày 12/12/2022 và tài sản gắn liền với đất.

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất 95 tờ bản đồ 44 diện tích 1015,6 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 070927 số vào sổ cấp GCN: CS06364 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/7/2021 cho ông Lê Quốc H và bà Vũ Thị H, cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho bà Phạm Thị Ngọc T ngày 09/12/2022 và tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì bà Phạm Thị Ngọc T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Trường hợp bà Phạm Thị Ngọc T đã thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền còn nợ thì Ngân hàng E trả lại cho bà Phạm Thị Ngọc T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 070919 số vào sổ cấp GCN: CS06357 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/7/2021 cho ông Lê Quốc H và bà Vũ Thị H, cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho bà Phạm Thị Ngọc T ngày 12/12/2022 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 070927 số vào sổ cấp GCN: CS06364 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/7/2021 cho ông Lê Quốc H và bà Vũ Thị H, cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho bà Phạm Thị Ngọc T ngày 09/12/2022.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị Ngọc T phải hoàn trả cho Ngân hàng Esô tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.600.805 đồng (*Ba mươi ba triệu sáu trăm ngàn tám trăm lẻ năm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng Esô tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.345.628 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0001695 ngày 23/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Huỳnh Tường Viên